

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST

Ngày: 17 - 01 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Chí Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Song Trà

- Bà Nguyễn Thị Bình

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đặng Thị Kim Chi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-KDTM ngày 16/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ.

Địa chỉ: Số D - D đường Đ, Quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh H – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Mộng L, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ B, phường H, Quận L, thành phố Đà Nẵng. Theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2023. Có mặt

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần L1.

Địa chỉ: Số C đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Hải P – Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh C – Nhân viên phòng Kinh tế kỹ thuật. Theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2024. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên Đ do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty cổ phần L1 (gọi tắt: Công ty L1) và Công ty Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có quan hệ mua bán hàng hóa là vật liệu xây dựng. Từ năm 2016 đến năm 2018 Công ty Đ và Công ty L1 có ký kết các hợp đồng, cụ thể: Hợp đồng kinh tế số 1010/2016/HĐKT-LICOGIQN ký ngày 10/10/2016 mua bán ván cốppha phủ phim, thép hộp các loại; hợp đồng kinh tế số 254/2017/HĐKT- LICOGIQN ký ngày 01/08/2017 mua bán ván cốppha phủ phim; hợp đồng nguyên tắc số 06-01/2018/HĐKT- LICOGIQN ký ngày 06/01/2018 mua bán ván cốppha phủ phim. Ngoài ra, năm 2019 Công ty L1 có mua thêm vật liệu xây dựng với số tiền là 196.800.000 đồng; việc mua bán này không có giấy tờ, chỉ thực hiện bằng lời nói.

Ngày 01/12/2020 Công ty Đ và Công ty L1 có thống nhất công nợ tính đến hết ngày 30/11/2020 thì Công ty L1 còn nợ Công ty Đ số tiền 671.622.900 đồng. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/12/2020 được người đại diện theo pháp luật của Công ty L1 là ông Nguyễn Ngọc T ký và đóng dấu. Đến ngày 08/05/2022 công ty Đ và Công ty L1 thống nhất tiếp tục ký biên bản đối chiếu công nợ tính đến ngày 08/05/2022: Công ty L1 còn nợ công ty Đ số tiền là 671.622.900 đồng (sáu trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn chín trăm đồng). Sau khi đối chiếu công nợ, Công ty đã nhiều lần yêu cầu Công ty L1 thanh toán toàn bộ tiền hàng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/05/2022 với số tiền 671.622.900 đồng nhưng Công ty L1 cố tình dây dưa không trả. Việc Công ty L1 không trả nợ đã gây cho Công ty Đ nhiều khó khăn, thiệt hại. Vì vậy, nay Công ty Đ yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết:

- Buộc Công ty cổ phần L1 phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền còn nợ là: 671.622.900 đồng (Sáu trăm bảy mươi một triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn chín trăm đồng).

- Buộc Công ty Cổ phần L1 phải thanh toán cho Công ty Đ khoản tiền chậm trả trên lãi suất chậm trả tạm tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/01/2024) theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm của 03 ngân hàng thương mại là: Ngân hàng thương mại cổ phần N, Ngân hàng cổ phần T1, Ngân hàng N1 lần lượt là: $8,5\%/năm + 8\%/năm + 8\%/năm = 12,25\%/năm$ với số tiền lãi là: 257.190.169 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán mà Công ty TNHH MTV Đ yêu cầu Công ty Cổ phần L1 phải trả là: 928.813.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần L1 trình bày:

Công ty Cổ phần L1 thừa nhận có ký kết các Hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH MTV Đ cụ thể như sau: Hợp đồng kinh tế số 1010/2016/HĐKT-LICOGIQN ngày 10/10/2016; Hợp đồng số 254/2017/HĐKT-LICOGIQN ngày 01/8/2017 và Hợp đồng nguyên tắc số 06-01/2018/HĐKT-LICOGIQN ngày 06/01/2018; mua bán ván cốppha phủ phim, thép hộp các loại và vật liệu xây dựng.

Ngày 01/12/2020 Công ty Cổ phần L1 và Công ty TNHH MTV Đ có ký biên bản đối chiếu công nợ và đến ngày 08/5/2022 các bên tiếp tục đối chiếu công nợ, theo đó Công ty Cổ phần L1 còn nợ Công ty Đ tổng số tiền 671.622.900đ. Công ty thừa nhận còn nợ công ty Đ số tiền như đã đối chiếu công nợ nêu trên.

Nay Công ty TNHH MTV Đ khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần L1 phải trả số tiền gốc 671.622.900đ và lãi suất tính từ ngày 01/12/2020 đến nay với lãi suất trung bình của ba Ngân hàng trên thị trường tại thời điểm là 12,25%/năm thì Công ty có ý kiến như sau:

Tại thời điểm ký các hợp đồng kinh tế nêu trên, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Ngọc T làm giám đốc Công ty; theo Tổng công ty thì tại thời điểm này ông T có những sai phạm, thiếu sót trong việc kinh doanh làm ăn của Công ty. Hiện nay ông T không còn làm giám đốc nữa và mọi việc chuyển giao giữa ông T và giám đốc mới hiện nay chưa hoàn thành. Do đó, đề nghị Công ty Đ mang hồ sơ đối chiếu, làm việc lại với Công ty số nợ trên. Trường hợp phía Công ty Đ không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền mua bán hàng hóa, cả hai đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại phường L, thành phố Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét các Hợp đồng kinh tế số 1010/2016/HĐKT-LICOGIQN ngày 10/10/2016; hợp đồng kinh số 254/2017/HĐKT- LICOGIQN ngày 01/08/2017 và hợp đồng nguyên tắc số 06-01/2018/ HĐKT- LICOGIQN ngày 06/01/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán cung cấp ván cốp pa phủ phim, thép hộp các loại thì thấy rằng: Các hợp đồng nêu trên đều được ký kết giữa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn, có đóng dấu xác nhận của Công ty TNHH Một thành viên Đ và Công ty Cổ phần L1. Xét tại thời điểm các bên ký các hợp đồng mua bán với nhau có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy

định tại Điều 117, Điều 401 của Bộ luật Dân sự, Điều 11 và Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2019 (sau đây gọi là Luật Thương mại), nên có hiệu lực pháp luật và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[3] Ngày 01/12/2020 và ngày 08/5/2022 giữa công ty Đ và Công ty L1 có Biên bản đối chiếu công nợ, các bên thống nhất tính đến hết ngày 30/11/2020, Công ty L1 còn nợ Công ty Đ số tiền 671.622.900 đồng. Cả hai biên bản đối chiếu công nợ đều được người đại diện pháp luật của Công ty L1 ký và đóng dấu của Công ty. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Cổ phần L1 thừa nhận Công ty có ký các hợp đồng kinh tế nêu trên và thừa nhận còn nợ nguyên đơn Công ty Đ số tiền 671.622.900 đồng.

[4] Tuy nhiên, bị đơn cho rằng các hợp đồng kinh tế nêu trên được ký kết tại thời điểm ông Nguyễn Ngọc T làm giám đốc Công ty; theo Tổng công ty thì tại thời điểm này ông T có những sai phạm, thiếu sót trong việc kinh doanh làm ăn của Công ty. Hiện nay ông T không còn làm giám đốc nữa và mọi việc chuyển giao giữa ông T và giám đốc mới hiện nay chưa hoàn thành. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét lời khai của bị đơn thì thấy rằng: Như đã nhận định trên, tại thời điểm các bên ký kết hợp đồng đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 87 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân”*. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai này.

[5] Sau khi hai bên đối chiếu nợ với nhau, đến nay Công ty L1 vẫn chưa thanh toán nợ gốc còn lại cho nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại về thanh toán: *“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận”*; Điều 55 của Luật Thương mại về Thời hạn thanh toán: *“Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau; 1. Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá...”*. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc còn nợ là 671.622.900 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ lãi chậm trả từ ngày 01/12/2020 (ngày đối chiếu công nợ lần đầu) đến nay theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm trên số nợ gốc 671.622.900đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[6.1] Tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã

có văn bản yêu cầu Ngân hàng cung cấp về lãi suất cho vay và nợ quá hạn được các Ngân hàng cung cấp như sau: Ngân hàng N1 lãi suất cho vay trung hạn là 8,5%/năm; Ngân hàng thương mại cổ phần T1 lãi suất cho vay trung hạn: 12%/năm; Ngân hàng thương mại cổ phần N lãi suất cho vay trung hạn 11%/năm; cả ba Ngân hàng đều có mức lãi quá hạn bằng 150% mức lãi trong hạn. Như vậy lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng là: $(8,5\% + 12\% + 11\%) : 3 \times 150\% = 15,75\%/năm$.

[6.2] Xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 12,25%/năm nhỏ hơn lãi suất trung bình trên thị trường 15,75%/năm là có lợi cho bị đơn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại, Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lãi cho nguyên đơn số tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2024) là: 3 năm 01 tháng 16 ngày, mức lãi suất 12,25%/tháng = 257.190.169đ. Tổng số tiền gốc và lãi là 928.813.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị đơn Công ty Cổ phần L1 phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền 36.000.000đ + $(128.813.000đ \times 3\%) = 39.864.390đ$ (ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi đồng). Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự cho nguyên đơn.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 30, 35, 39, 147, 266, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, Điều 401, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 11, Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019).

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ.

1. Buộc Công ty Cổ phần L1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ tổng số tiền: 928.813.000 đồng (chín trăm hai mươi tám triệu tám trăm mười ba nghìn đồng). Trong đó: Số tiền nợ gốc là 671.622.900 đồng, số tiền lãi chậm thanh toán là: 257.190.169đồng.

2. Về án phí: Bị đơn Công ty Cổ phần L1 phải chịu 39.864.390đ (ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ số tiền 19.360.000đồng (mười chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) do đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000002 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Thương